



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84 4 222 12 891 | Fax: +84 4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ THIẾT BỊ PHỤ TÙNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 24

17
. 01
H N
M
/ AN
XU
3 A

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG

Số 44 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thiêm	Chủ tịch
Ông Trần Cảnh Châu	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Chiến	Ủy viên
Ông Bùi Đức Thọ	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Xuân Thiêm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/7/2012)
Ông Bùi Đức Thọ	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/7/2012)
Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Chiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trên đây là đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.


Bùi Đức Thọ

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ **International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ: Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34E, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32nd Floor, 34E Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Gray District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4.222.12.801 Fax: +84.4.222.12.802 Email: fo@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3172/2013/BCKT/IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013 từ trang 6 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Bao chế phạm vi kiểm toán

Công ty đang ghi nhận một khoản cho Công ty Cổ phần Máy Hà Nội vay với số tiền là 1.731.176.905 đồng trong thời gian 6 tháng. Khoản vay này phát sinh từ năm 2007 đến nay chưa thu hồi được. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản cho vay trên. Do bản chất của khoản mục này, chúng tôi không thể đưa ra được giá trị cần trích lập dự phòng cũng như ảnh hưởng của khoản mục này đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ căn cứ để đánh giá tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục công nợ phải thu, phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề trên đến các khoản công nợ phải thu, phải trả và ảnh hưởng của các khoản mục này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Hạn chế phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và giá trị của khoản mục hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng của chúng tôi các số liệu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn cũng với ảnh hưởng của vấn đề trên đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là dấu hiệu có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty đang có kế hoạch bán một số tài động sản mà Công ty đang sở hữu để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng một số khoản công nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán với số tiền là 2.345.078.289 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy vẫn còn một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty vẫn chưa xem xét việc trích lập dự phòng. Bằng các thủ tục thay thế, Chúng tôi không có cơ sở đánh giá để đưa ra ý kiến về giá trị tồn thất (nếu có) của các khoản phải thu để xác định mức dự phòng cần thiết cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

Trong năm 2012, Công ty ghi nhận giảm chi phí lãi vay với tổng số tiền là 10.544.543.919 đồng. Đây là số tiền lãi trả chậm Công ty dự kiến thu được từ việc cho Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Giang và Công ty CP Tổng công ty xây lắp Dầu khí Nghệ An nợ tiền hàng. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được bằng chứng hữu hiệu đảm bảo chắc chắn Công ty sẽ thu được số tiền trên trong tương lai. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Chúng tôi không thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính đối với các công ty con của Công ty cho năm tài chính 2012. Đồng thời chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kháng thuế nhất trong xử lý kế toán

Trong năm 2012, Công ty đang ghi nhận trước khoản doanh thu thuế vân phòng của Công ty CP XNK Khương sơn cho khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2046 (gần 34 năm) với tổng số tiền là 22.838.061.836 đồng và Công ty TNHH Thương mại Tâm Long cho khoảng thời gian từ 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2046 (34 năm) với tổng số tiền là 13.318.181.802 đồng vào doanh thu năm 2012. Theo đó các chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng cao bị ghi nhận cao hơn thực tế với số tiền tương ứng là 35.092.824.707 đồng, 15.779.171.594 đồng và 13.317.336.797 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các hạn chế phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IPC)
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Nam Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1950/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B01 - DN/IN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.662.431.774	438.360.703.561
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.499.798.829	3.819.333.018
1. Tiền	111	V.1	2.499.798.829	3.666.713.018
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	152.610.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	5.072.301.905	6.072.301.905
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.072.301.905	6.072.301.905
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.659.942.723	214.357.651.930
1. Phải thu khách hàng	131		127.627.415.968	169.471.396.764
2. Trả trước cho người bán	132		17.539.453.853	33.193.138.917
3. Các khoản phải thu khác	135		23.838.151.191	11.714.312.229
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.345.078.289)	(21.196.600)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	137.309.593.601	192.589.881.434
1. Hàng tồn kho	141		138.431.911.173	192.589.881.434
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.122.317.572)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.120.794.716	21.521.545.274
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.236.345	13.990.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		991.368.063	11.857.362.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	11.558.919	332.871.851
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.115.631.387	9.317.320.756
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		139.490.370.272	141.738.521.888
II. Tài sản cố định	220		50.917.156.115	130.338.567.115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	50.201.156.115	6.854.392.466
- Nguyên giá	222		59.404.207.122	13.464.379.972
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.203.051.007)	(6.609.987.506)
2. Tài sản cố định vô hình	227		716.000.000	716.000.000
- Nguyên giá	228		716.000.000	716.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	-	122.768.174.649
III. Bất động sản đầu tư	240	V.7	87.574.110.187	5.873.645.145
- Nguyên giá	241		97.441.714.789	12.612.377.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(9.867.604.602)	(6.738.732.810)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.551.216.833
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	4.551.216.833
V. Tài sản dài hạn khác	260		999.183.970	975.092.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		377.317.147	113.693.986
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		535.892.899	687.610.961
3. Lợi thế thương mại	269		85.893.924	171.787.848
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		455.152.802.046	580.099.225.449

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU B 01 - DN/BN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		443.640.973.689	562.960.394.529
I. Nợ ngắn hạn	310		338.361.054.483	485.913.977.474
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	193.869.770.896	216.836.078.781
2. Phải trả người bán	312		61.445.353.053	186.816.902.577
3. Người mua trả tiền trước	313		41.562.798.383	52.146.648.852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	4.309.674.348	4.396.229.518
5. Phải trả người lao động	315		1.323.570.509	727.563.408
6. Chi phí phải trả	316		30.479.666.937	9.183.365.597
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	4.724.693.196	15.147.839.178
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		645.537.163	659.349.563
II. Nợ dài hạn	330		105.279.919.206	77.046.417.055
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	105.279.919.206	76.699.769.217
2. Dự phòng nợ cấp mức việc làm	336		-	346.647.838
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.303.402.413	14.879.733.055
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	9.303.402.413	14.879.733.055
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.955.298.000	4.185.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		363.318.182	363.318.182
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(1.273.392.000)
5. Chuyển lệch tỷ giá hối đoái	416		-	125.903.459
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.771.760.212	3.771.760.212
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.371.443.983	2.371.443.983
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(51.158.417.965)	(44.664.300.772)
C. LỢI ÍCH CÓ HÔNG THIỂU SỐ	430		2.208.425.945	2.259.097.865
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		455.152.802.046	580.099.225.449



Bùi Đức Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hoàng Phương
Người lập

Hoàng Thị Hồng Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	226.841.992.780	409.985.779.386
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.363.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		226.841.992.780	409.979.415.750
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	174.112.459.386	361.785.589.771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.729.542.494	48.193.825.979
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	5.315.295.032	5.371.961.312
7. Chi phí tài chính	22	VL4	67.879.558.029	29.670.818.080
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.651.855.288	24.245.419.618
8. Chi phí bán hàng	24		30.511.379.087	18.769.119.444
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.175.435.957	5.554.691.385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(49.511.533.547)	(408.841.618)
11. Thu nhập khác	31		499.502.293	1.922.139.294
12. Chi phí khác	32		92.448.260	857.060.182
13. Lợi nhuận khác	40		407.054.133	1.065.079.114
14. Lợi nhuận trong Công ty liên doanh, liên kết	41		-	300.420.482
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(49.114.479.414)	956.657.979
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	150.919.414
16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		-	(151.718.062)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(49.114.479.414)	957.456.617
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(16.019.771)	80.357.155
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			(49.130.499.185)	877.099.492
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL5	(9.826)	179



Bùi Đức Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Hoàng Phương
Người lập

Hoàng Thị Hồng Yến
Kế toán trưởng


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN/VN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(49.114.479.414)	956.657.979
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.211.669.962	1.749.806.655
Các khoản dự phòng	03	3.467.395.861	(143.973.219)
Chi phí hệ thống giá bởi đơn vị chưa thực hiện	04	(13.957.182)	1.110.388.204
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	37.834.636.055	(66.156.672)
Chi phí lãi vay	06	23.651.855.288	24.245.419.618
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vào lưu động	08	22.027.120.579	27.850.142.697
(Tăng)/Giảm các khoản phải trả	09	66.992.533.383	31.350.359.552
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	54.764.842.507	(53.351.331.346)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(121.840.058.397)	(187.429.805.761)
Giảm chi phí trả trước	12	228.016.462	24.169.036
Tiền lãi vay đi trả	13	(6.665.504.611)	(24.245.419.618)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(672.344.651)	(150.910.414)
Tiền trả khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.778.438.076	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(40.687.861.525)	(20.848.357.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.664.818.254)	(226.801.162.154)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(8.498.310.144)	(34.379.452.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	159.745.624	66.156.672
3. Cho tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.180.000.000)	-
4. Tiền trả cho cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	810.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(400.000.000)	-
6. Tiền thu từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.327.050.000	65.117.062.517
7. Tiền trả lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.126.149.314	2.269.587.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.544.614.794	32.873.355.944
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	32	112.294.829.308	344.623.103.167
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	33	(107.094.160.007)	(160.126.721.181)
3. Chi trả nợ ngắn đi trả	34	-	(2.929.578.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.200.679.301	181.566.803.386
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.319.524.189)	(12.361.905.724)
Tiền và chứng khoán ngắn hạn sẵn	60	3.819.323.018	16.180.326.742
Tiền và chứng khoán ngắn hạn cuối năm	70	2.499.798.829	3.819.323.018


Bùi Đức Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2013


Nguyễn Hoàng Phương
Người lập


Hoàng Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/12N

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101401537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 08 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 09 tháng 08 năm 2012 vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 5.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty: 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính năm hợp nhất 2012, Công ty có 02 Văn phòng, 02 Chi nhánh và 01 Công ty con. Cụ thể:

Công ty có các đơn vị trực thuộc:

1. Trụ sở chính của Công ty tại 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
2. Văn phòng Công ty tại 133 Thái Hà, Quận Đống Đa, Hà Nội.
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng tại số 176/34 Trần Huy Liệu, phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng tại số 89 Hà Huy Tập, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty có Công ty con sau:

Công ty Cổ phần Thiết bị Xe máy Machico (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 0103021834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/2008 (đăng ký lần đầu ngày 11/1/2008- ngày thành lập). Vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 82 người (Năm 2011 là 96 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KÝ KÊ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng, công ty con là Công ty Cổ phần Thiết bị xe máy Machico. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị xe máy Machico được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC Việt nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Công nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản lưu động tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 22.698.622.709 đồng cùng với lỗ lũy kế tại thời điểm này là 51.158.417.965 đồng đã dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị đang có kế hoạch bán một số bất động sản mà Công ty đang sở hữu để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất chưa có bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhất đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tích lũy phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tích giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 01 công ty con. Chi tiết thông tin về công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Tên Công ty con: Công ty Cổ phần thiết bị xe máy Machineco
Địa chỉ: Số 133, Phố Thủ Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị, phụ tùng phương tiện vận tải.

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2012	: 7.400.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	: 65%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	: 65%

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm tất cả các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, thì/lẽ chun thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mẫu và hình thức in ấn theo quy định của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B-09 - DN/HN

Các số liệu trong này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 02 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trích bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản công nợ quá hạn theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Wan-ers.com

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/BN

Các khoản mục này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 11
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và chi phí san lấp mặt bằng để xây dựng nhà kho tại thị trấn Plei Kan, Ngọc Hồi, Kim Tôm. Đây là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không phải tính hao mòn.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho kết kỹ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc tại 133 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 15 năm đối với tòa nhà 133 Thái Hà và 35 năm đối với tòa nhà 16 tầng tại 444 Hoàng Hoa Thám.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chính lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chính lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày này. Công ty đã tiến hành đánh giá lại các khoản mục liên tế có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2012 theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố là 20.321 đồng/USD mà không đánh giá theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã đọc và đồng ý với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, thông quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay sẽ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	659.778.981	600.691.713
Tiền gửi ngân hàng	1.840.019.848	1.066.021.305
	2.499.798.829	1.666.713.018

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn

		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
HĐV - Sở giao dịch I	(i)	1.291.125.000	1.291.125.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	(ii)	3.781.176.905	4.781.176.905
Cộng		5.072.301.905	6.072.301.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/IN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

- (i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 với lãi suất 9%/năm.
- (ii) Là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội vay theo hợp đồng số 01/MAHIN-MACHINCO ngày 11/12/2007, thời hạn vay là 6 tháng với số tiền là 4.781.176.905 đồng. Tại ngày 31/3/2012, Công ty mới chỉ thu hồi được 1 tỷ đồng.

3. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng hóa	138.431.911.173	192.589.881.434
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>138.431.911.173</u>	<u>192.589.881.434</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.123.317.572)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>137.309.593.601</u>	<u>192.589.881.434</u>

4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	331.030.384
Thuế khác nộp thừa	11.558.919	1.841.467
	<u>11.558.919</u>	<u>332.871.851</u>

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Machinery thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thuật bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	6.144.139.163	1.907.823.358	4.296.256.017	1.516.161.034	13.864.379.572
Mua trong năm	9.319.801.131	10.871.555.359	44.509.090	26.675.565.113	46.911.421.843
- Giá trị MCHH hoàn thành	9.319.801.131	10.871.555.359	-	25.840.524.433	46.031.881.163
- Tổng khác	-	-	44.509.090	835.040.680	879.549.680
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(375.934.849)	(166.613.886)	(542.548.735)
Được khác	-	-	(448.993.960)	-	(448.993.960)
Tại ngày 31/12/2012	<u>15.463.940.294</u>	<u>12.779.378.957</u>	<u>3.915.775.208</u>	<u>18.025.112.661</u>	<u>50.188.297.122</u>
GIÁ TRỊ HẠO MÔN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	1.178.281.179	1.490.586.996	1.798.878.291	1.142.441.040	6.609.987.506
Đưa hao trong năm	641.560.010	821.219.276	314.141.262	1.571.078.919	3.354.999.458
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(141.245.624)	(171.694.413)	(512.940.037)
Được khác	-	-	(448.993.960)	-	(448.993.960)
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.819.841.219</u>	<u>2.311.806.272</u>	<u>1.921.577.969</u>	<u>2.541.825.546</u>	<u>4.303.051.007</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	4.965.857.984	11.286.362	1.497.377.726	373.720.394	6.854.392.466
Tại ngày 31/12/2012	<u>13.644.099.077</u>	<u>10.467.572.685</u>	<u>1.994.197.239</u>	<u>25.483.287.115</u>	<u>54.701.156.115</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TN

Các thuật ngữ và từ ngữ là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình tại 444 Hoàng Hoa Thám	-	122.768.174.649
	-	122.768.174.649

Trong năm 2012, Công ty đã đưa vào sử dụng Công trình Tòa nhà văn phòng tại 444 Hoàng Hoa Thám.

7. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	12.612.377.955
Tăng trong năm	84.829.336.834
Đóng góp cải tạo	30.168.000
Xây dựng cơ bản chuyển sang	84.779.168.834
Tại ngày 31/12/2012	97.441.714.789
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	6.738.732.810
Khấu hao trong năm	3.128.871.792
Tại ngày 31/12/2012	9.867.604.602
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2012	5.873.645.145
Tại ngày 31/12/2012	87.574.110.187

8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng	193.869.770.896	216.427.786.721
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	3.437.518.732
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	10.785.278.900	12.175.000.000
Sở giao dịch số 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (ii)	50.364.104.000	79.683.089.492
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	869.615.680
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (iii)	132.720.387.996	118.901.388.793
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	-	1.781.174.024
Vay đối tượng khác	-	408.292.060
Cộng	193.869.770.896	216.836.078.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DNGVN

Các đơn vị tiền tệ là một tỷ phần hợp thành và các đơn vị dọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Thăng Long theo các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, với thời hạn vay 04 tháng đồng để thanh toán tiền hàng. Lãi suất tiền vay là lãi suất theo thông báo của Ngân hàng.
- (ii) Vay ngắn hạn Sơ giao dịch 1 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, với thời hạn vay tùy theo từng kế mức đồng để thanh toán L/C. Lãi suất tiền vay sẽ theo thông báo cụ thể của Ngân hàng.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy theo từng kế mức vay, với thời hạn vay tùy theo từng kế mức đồng để thanh toán cho dây truyền dự án xi măng Bắc Giang. Lãi suất tiền vay tùy theo từng kế mức cụ thể.

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	4.032.667.673	3.554.440.517
Thuế xuất, nhập khẩu	-	38.719.403
Thuế thu nhập doanh nghiệp	124.091.652	796.436.303
Thuế thu nhập cá nhân	36.696.483	6.633.295
Cộng	4.309.674.348	4.396.229.518

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	166.348.549	41.355.836
Bảo hiểm xã hội	1.023.016.647	320.313.282
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Vicon	-	14.408.671.182
Các khoản phải trả khác	3.595.328.000	371.798.878
Cộng	4.724.693.196	15.147.839.178

11. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng	65.865.115.368	63.938.325.383
Sơ giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	65.865.115.368	63.938.325.383
Vay đầu tư khác (ii)	9.861.101.189	12.761.443.834
Nợ dài hạn	29.553.702.649	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Cầu Giấy (iii)	12.065.707.450	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Cầu Giấy	17.487.995.199	-
Cộng	165.279.919.266	76.699.769.217

Số tài khoản: 19030000000000000000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/IN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

- (i) Vay Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay dài hạn số 01.313.2007/HĐTDH ngày 31/01/2007 với hạn mức tín dụng là 49.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất bằng 3% cộng thêm lãi suất vay tham chiếu (bình quân lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng của 4 Sở giao dịch Ngân hàng thương mại quốc doanh tại Hà Nội). Khoản lãi vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 của tháng thứ ba kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản gốc vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 của tháng thứ 27 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản bao gồm cả động sản và bất động sản thuộc tòa nhà trụ sở công ty và văn phòng cho thuê tại số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay dài hạn số 111.01/2012/HĐTDH ngày 05/04/2012, với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 52 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất bằng 4,5% cộng thêm lãi suất vay tham chiếu (bình quân lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng của 4 Sở giao dịch Ngân hàng thương mại quốc doanh tại Hà Nội). Công ty sử dụng toàn bộ tài sản bao gồm cả động sản và bất động sản thuộc tòa nhà trụ sở công ty và văn phòng cho thuê tại số 444 Hoàng Hoa Thám, quận Tây Hồ, Hà Nội và Tòa nhà Trung tâm Thương mại 133 Thái Hà theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Các khoản huy động vốn từ các bộ công nhân viên với lãi suất 13%/năm. Các khoản vay này không có thời hạn cụ thể và được Ban Giám đốc xác định ghi số trên khoản mục "Vay dài hạn" trên Bảng Cân đối kế toán.

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các đơn vị thành viên là một bộ phận hợp thành và các đơn vị được đề cập đến trong Báo cáo tài chính này là chi nhánh, đơn vị trực thuộc.

MÃ SỐ 0 09 - DNGTEN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH HAY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Tại 01/01/2011	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Dự trữ tài trợ tài chính		Dự trữ ngoại tệ do dự phòng rủi ro		Tổng cộng	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi số cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	50.000.000.000	4.185.000.000	-	-	363.318.182	(1.273.393.000)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tại 01/01/2012	50.000.000.000	4.185.000.000	-	-	363.318.182	(1.273.393.000)	-	-	125.903.450	2.371.260.212	2.371.260.212	2.371.443.982	(42.411.031.461)	0	14.876.733.099	14.876.733.099
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi số cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	50.000.000.000	4.185.000.000	-	-	363.318.182	(1.273.393.000)	-	-	125.903.450	2.371.260.212	2.371.443.982	2.371.443.982	(42.411.031.461)	0	14.876.733.099	14.876.733.099
Từ phân phối số phiếu	-	-	-	-	-	1.273.393.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chiến lược	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	50.000.000.000	4.185.000.000	-	-	363.318.182	(1.273.393.000)	-	-	125.903.450	2.371.260.212	2.371.443.982	2.371.443.982	(42.411.031.461)	0	14.876.733.099	14.876.733.099
Tổng cộng	50.000.000.000	4.185.000.000	-	-	363.318.182	(1.273.393.000)	-	-	125.903.450	2.371.260.212	2.371.443.982	2.371.443.982	(42.411.031.461)	0	14.876.733.099	14.876.733.099
Tổng cộng	50.000.000.000	4.185.000.000	-	-	363.318.182	(1.273.393.000)	-	-	125.903.450	2.371.260.212	2.371.443.982	2.371.443.982	(42.411.031.461)	0	14.876.733.099	14.876.733.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN/BN

Các tài sản minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	5.920.080.000	5.920.080.000
Vốn góp của các đối tượng khác	44.079.920.000	44.079.920.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu mua lại		97.369
Cổ phiếu phổ thông		97.369
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	4.902.631
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	4.902.631

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.841.992.789	409.985.779.386
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	176.241.169.803	398.698.965.177
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.600.822.977	11.286.814.209
Các khoản giảm trừ	-	6.363.636
- Hàng bán bị trả lại	-	6.363.636
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.841.992.789	409.979.415.750

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán đã cung cấp	153.404.700.648	361.194.240.949
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.585.432.066	591.348.822
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.122.317.572	-
Giá vốn hàng bán	174.112.450.286	361.785.589.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN/11N

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	283.962.333	2.079.670.890
Cổ tức, lợi nhuận được chia	249.917.000	189.917.000
Lãi do bán cổ phiếu Công ty CP XNK Máy Sái Gòn	4.612.270.000	-
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	113.714.950	3.102.373.422
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	13.957.182	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.473.567	-
	5.315.295.032	5.371.961.312

4. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	23.651.855.288	24.455.499.247
Lỗ do giải thể Khoáng Kim (*)	43.001.058.003	-
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	273.589.302	2.511.008.358
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	2.704.303.175
Chi phí tài chính khác	953.055.436	7.300
Cộng	67.879.558.029	29.670.818.080

(*) Trong năm 2012, Công ty TNHH Khoáng kim Machineco đã tiến hành giải thể. Toàn bộ khoản lỗ lũy kế của Công ty TNHH Khoáng kim Machineco được ghi nhận vào chi phí tài chính của công ty mẹ Machineco.

5. Thu nhập (Chi phí) thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(151.718.062)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(151.718.062)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/IN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(49.130.499.185)	877.099.492
Điều chỉnh để xác định lợi nhuận hoặc lỗ	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(49.130.499.185)	877.099.492
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.000.000	4.502.631
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(9.826)	179
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

- Tổng số nền thuê 1.593 m² tại số 133 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê đất số 14-2006/STNMTND-HĐTĐTN ngày 14/03/2006 với Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất trong thời gian 30 năm kể từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2023.
- Tổng số nền thuê 3.302 m² tại số 444 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khê, quận Tây Hồ, Hà Nội theo Hợp đồng thuê đất số 155-2006/TNMTND-HĐTĐTN ngày 13/12/2006 với Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất trong thời gian 40 năm kể từ ngày 30/10/2006.

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu đã được kiểm toán của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Bùi Đức Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hoàng Phương
Người lập

Hoàng Thị Hồng Yến
Kế toán trưởng